

TÁC ĐỘNG CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÙNG ĐỆM ĐỀN TÀI NGUYÊN RỪNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA – KÊ BÀNG

Bùi Thế Đồi¹, Phạm Văn Toàn¹, Ngô Đức Thuận²,
Đào Quang Minh², Tạ Thị Thắm³

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

²Viện Khoa học Môi trường và Biến đổi khí hậu

³Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn I

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.3.073-082>

TÓM TẮT

Sử dụng phương pháp điều tra thực địa, điều tra xã hội học thông qua phỏng vấn kết hợp kế thừa tài liệu thứ cấp, nghiên cứu đã xác định được đối tượng, hình thức, mức độ và nguyên nhân tác động của cộng đồng địa phương ở vùng đệm Vườn Quốc gia (VQG) Phong Nha – Kẻ Bàng đến tài nguyên rừng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, ngoài các tác động có lợi đến tài nguyên rừng VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng vẫn hiện hữu khá thường xuyên. Các tác động bất lợi bao gồm việc săn, bẫy, bắt động vật hoang dã; khai thác một số cây gỗ nguy cấp và lâm sản ngoài gỗ (LSNG). Mức độ tác động bất lợi được đánh giá ở mức độ nhẹ. Một số sản phẩm chính người dân khai thác như cây gỗ có giá trị, cây dược liệu và các loài LSNG khác, ngoài ra còn có một số loài động vật hoang dã nhỏ, cá ở các khu vực sông, suối. Nguyên nhân tác động bất lợi này xuất phát từ chính một số hộ gia đình của cộng đồng địa phương do đời sống của họ còn khó khăn, thu nhập thấp và còn do phong tục tập quán, nhu cầu về gỗ, củi trong sinh hoạt hàng ngày... Xác định được nguyên nhân và đánh giá những tác động của cộng đồng địa phương đến tài nguyên rừng là cấp thiết; đây là cơ sở để xuất các các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý rừng tại vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

Từ khóa: Cộng đồng địa phương, Phong Nha – Kẻ Bàng, tác động, tài nguyên rừng, vùng đệm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trực thuộc địa giới hành chính của hai huyện Bố Trạch và Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình với diện tích 123.326 ha (Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013), bao gồm 03 phân khu: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (100.296 ha); phân khu phục hồi sinh thái (19.619 ha); phân khu hành chính dịch vụ (3.411 ha), vùng đệm có diện tích 219.855,34 ha thuộc 13 xã của 3 huyện Minh Hóa, Bố Trạch và Quảng Ninh. VQG Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới 2 lần, lần 1 vào năm 2003 với tiêu chí (viii) địa chất, địa mạo, lần 2 vào năm 2015 với tiêu chí (ix) hệ sinh thái và (x) đa dạng sinh học (VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, 2021). Đây là VQG duy nhất của Việt Nam được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới với tiêu chí kép. Phong Nha – Kẻ Bàng được ví như một bảo tàng địa chất khổng lồ có giá trị và mang ý nghĩa toàn cầu.

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 15 kiểu sinh cảnh rộng lớn với 21 kiểu thảm thực vật quan trọng. Rừng kín thường xanh che phủ 93,5 % diện tích, trong đó trên 90% diện tích VQG là

hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi điển hình hiếm có còn sót lại và hầu hết chưa bị tác động (VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, 2021).

Phong Nha - Kẻ Bàng cũng lưu giữ nhiều di tích lịch sử in dấu một thời hào hùng của dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Đồng thời đây là nơi sinh sống của 3 dân tộc: Kinh, Bru - Vân Kiều và Chứt với những nét văn hoá đặc trưng, như: Lễ hội đập trống của người Ma-Coong, hát tuồng của người dân Khương Hà... Đặc biệt, các tộc người Rục, Arem (thuộc dân tộc Chứt) sống ở vùng Phong Nha - Kẻ Bàng còn lưu giữ những nét văn hoá gắn với thời tiền sử của loài người (Hà Minh Tuấn, 2013).

Thực tế hiện nay cho thấy, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là sự gia tăng dân số và các hoạt động phát triển các ngành kinh tế (du lịch, công nghiệp, nông – lâm nghiệp) đang gây áp lực đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng như nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học, mai một và đứt gãy các giá trị văn hóa truyền thống. Bản thân khu Di sản này cũng đang phải đối diện với nhiều áp lực và thách thức trong công tác quản lý và sử dụng bền vững

tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên rừng nói riêng. Đánh giá tác động của cộng đồng địa phương đến tài nguyên rừng tại vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là thực sự cần thiết, để từ đó có những giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đồng thời mang lại hiệu quả trong quản lý tài nguyên thiên nhiên cho Khu Di sản thiên nhiên thế giới VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu

Số liệu thứ cấp: Số liệu phục vụ nghiên cứu được kế thừa từ các tài liệu có sẵn. Bao gồm các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng và tiềm năng về tài nguyên rừng, tài nguyên lâm sản ngoài gỗ (LSNG), các hoạt

động sinh kế của cộng đồng địa phương... tại khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Các báo cáo tổng kết, số liệu thống kê, niên giám các năm gần đây có liên quan đến công tác bảo tồn tài nguyên rừng tại khu vực.

Số liệu sơ cấp: Được thu thập theo phương pháp điều tra thực địa và điều tra xã hội học thông qua phỏng vấn.

Đối tượng được phỏng vấn gồm: các cán bộ kiểm lâm địa bàn, cộng đồng địa phương (bao gồm các cá nhân và hộ gia đình tại các thôn, bản) thuộc 13 xã và thị trấn vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

Nội dung thông tin thu thập: Các hình thức; đối tượng và mức độ tác động của cộng đồng địa phương tới tài nguyên rừng tại khu vực.

Bảng 1. Số phiếu điều tra tại khu vực nghiên cứu

STT	Địa điểm phỏng vấn		Số phiếu khảo sát
	Huyện	Xã/Thị trấn	
1	Minh Hóa	Dân Hóa	7
2		Hóa Sơn	6
3		Trung Hóa	7
4		Thượng Hóa	7
5		Trọng Hóa	7
6		Tân Trạch	7
7		Thượng Trạch	6
8	Bố Trạch	Xuân Trạch	6
9		Phúc Trạch	7
10		TT Phong Nha	5
11	Quảng Ninh	Phú Định	4
12		Hung Trạch	6
13		Trường Sơn	15
Tổng			90

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được tiến hành tổng hợp, phân tích và xử lý bằng phần mềm Excel 2016. Kết quả xử lý được thể hiện theo dạng thống kê mô tả, phân tích bằng các bảng biểu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

3.1.1. Đặc điểm dân số và lao động

Theo số liệu thống kê đến năm 2020, dân số

các xã vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có 69.824 người/18.108 hộ gia đình. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số có 11.448 người, công giáo 23.289 người, một số xã có tỷ lệ người công giáo rất cao như: Phúc Trạch gần 100%, Xuân Trạch 50%; thị trấn Phong Nha 43% và Hung Trạch hơn 42%. Bên cạnh đó một số xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao như: Dân Hóa hơn 90%; Trọng Hóa 95%; Trường Sơn hơn 60%.

Bảng 2. Dân số, diện tích và mật độ dân số các xã vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

STT	Xã	Diện tích các xã (km ²)	Số hộ	Số khẩu	Mật độ (người/km ²)
I. Huyện Minh Hóa					
1	Dân Hóa	174,54	986	4.099	23
2	Hóa Sơn	177,58	406	1.643	9
3	Trung Hóa	92,05	1.312	4.715	51
4	Thượng Hóa	354,81	826	3.026	9
5	Trọng Hóa	190,00	966	4.409	23
II. Huyện Bố Trạch					
6	Tân Trạch	354,26	109	413	1
7	Thượng Trạch	741,52	664	2.855	4
8	Xuân Trạch	172,58	1.620	5.839	34
9	Phúc Trạch	58,52	3.149	12.101	207
10	TT. Phong Nha	99,48	3.096	12.088	122
11	Phú Định	146,35	760	2.709	19
12	Hung Trạch	10,35	3.096	11.500	124
III. Huyện Quảng Ninh					
13	Trường Sơn	779,62	1.118	4.427	5,7

(Nguồn: Niên giám thống kê các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và Quảng Ninh, năm 2020)

Số lượng dân số trong độ tuổi lao động của 3 huyện Minh Hóa, Bố Trạch và Quảng Ninh có xu hướng tăng mạnh từ năm 2017-2019 và có sự thay đổi cơ cấu lao động theo từng năm, trong từng lĩnh vực. Lực lượng lao động trong cả 3 lĩnh vực nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng và dịch vụ đều có xu hướng tăng, đặc biệt là tăng mạnh trong lĩnh vực nông lâm thủy sản.

Lao động trong lĩnh vực nông lâm thủy sản năm 2017 là 117.332 người và đến năm 2019 là 176.951 người (tăng 1,5% cơ cấu). Lao động trong 2 lĩnh vực công nghiệp và xây dựng và dịch vụ có sự tăng nhẹ, cụ thể tại lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng 1,09%, và trong lĩnh vực dịch vụ có mức tăng 1,03%.

Bảng 3. Cơ cấu lao động phân theo các ngành nghề của các huyện tại khu vực nghiên cứu

Lĩnh vực	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nông lâm thủy sản	117.332	66,37	121.698	66,67	176.951	73,85
Công nghiệp và xây dựng	19.987	11,30	20.660	11,32	21.891	9,13
Dịch vụ	39.474	22,33	40.175	22,01	40.774	17,02
Tổng	176.793	100	182.533	100	239.616	100

(Nguồn: Niên giám thống kê các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và Quảng Ninh, năm 2020)

3.1.2. Tình hình kinh tế và đời sống của cộng đồng địa phương

Nguồn thu nhập chính của người dân vùng đệm từ các hoạt động sản xuất nông – lâm

công nghiệp là chủ yếu (chiếm 97,98%). Bình quân lương thực và thu thập đầu người tại các xã vùng đệm được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Tình hình thu nhập của các xã vùng đệm

STT	Xã/Thị trấn	Bình quân lương thực (kg/người/năm)	Bình quân thu nhập (triệu đồng/người/năm)
1	TT Phong Nha	278,55	16,80
2	Phúc Trạch	146,57	7,50
3	Xuân Trạch	254,45	8,60
4	Hung Trạch	184,37	12,80
5	Phú Định	191,49	16,23
6	Tân Trạch	37,60	1,60
7	Thượng Trạch	199,57	3,44
8	Trung Hóa	260,64	5,40
9	Thượng Hóa	214,11	4,20
10	Trọng Hóa	128,30	3,90
11	Dân Hóa	139,40	4,38
12	Hóa Sơn	158,50	4,26
13	Trường Sơn	114,33	9,00

(Nguồn: Số liệu báo cáo kinh tế xã hội các xã và niên giám thống kê các huyện Minh Hóa, Bố Trạch và Quảng Ninh, năm 2020)

Số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trong các xã vùng đệm được thể hiện ở bảng 5. Cho thấy, số hộ nghèo và cận nghèo ngày càng giảm xuống so với các năm trước, mức sống của người dân nơi đây đã cải thiện đáng kể, một số

xã nhờ sự phát triển dịch vụ du lịch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đã góp phần tăng thu nhập, nhận thức và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội như thị trấn Phong Nha, xã Phúc Trạch, Hưng Trạch...

Bảng 5. Số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trong các xã vùng đệm

STT	Xã	Tổng số hộ	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
1	Trung Hóa	1.234	247	19,80	969	77,90
2	Dân Hóa	790	693	87,72	4	0,51
3	Trọng Hóa	759	642	84,58	84	11,06
4	Hóa Sơn	375	150	40,00	160	43,00
5	Thượng Hóa	737	374	50,75	251	34,06
6	Hung Trạch	2.833	326	11,50	274	9,70
7	Phúc Trạch	2.507	1.498	49,75	715	28,52
8	TT. Phong Nha	2.674	531	19,86	558	20,87
9	Tân Trạch	74	55	74,30	19	25,70
10	Thượng Trạch	483	471	97,50	12	2,50
11	Phú Định	784	90	11,50	65	8,29
12	Xuân Trạch	1.428	780	54,62	492	37,02
13	Trường Sơn	1.013	508	50,15	164	17,93
Cả vùng đệm		15.700	6.365	40,54	3.767	23,99

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu do các xã cung cấp, 2020)

3.2. Hiện trạng tài nguyên rừng

3.2.1. Hiện trạng diện tích các loại rừng

Tính đến 31/12/2020, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

quản lý là 124.832,55 ha; trong đó có 124.499,43 ha đã được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định 3394/QĐ-UBND ngày 28/12/2000.

Diện tích rừng và đất lâm nghiệp của VQG phân theo mục đích sử dụng như sau:

- Diện tích đất rừng đặc dụng: 121.325,39 ha.
- Diện tích đất rừng phòng hộ: 3.153,80 ha.
- Diện tích đất rừng sản xuất: 353,36 ha.

3.2.2. Đa dạng thực vật rừng

Hệ thực vật VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 2.952 loài, 822 chi và 174 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó ngành Mộc lan - Magnoliophyta với 145 họ (chiếm 83,33%), 747 chi (90,88%) và 2194 loài (91,68%), tiếp đến là ngành Dương xỉ - Polypodiophyta và các ngành còn lại. Trong ngành Mộc lan, lớp Magnoliopsida chiếm ưu thế với 118 họ, 599 chi và 1833 loài, trong khi lớp Liliopsida chỉ có 27 họ, 148 chi và 361 loài.

3.2.3. Đa dạng động vật rừng

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi sinh sống của 154 loài thú thuộc 31 họ và 10 bộ, 303 loài chim, trong đó có ít nhất 43 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và 19 loài nằm trong Sách Đỏ thế giới; 151 loài bò sát, lưỡng cư (18 loài trong Sách Đỏ Việt Nam và 6 loài Sách Đỏ thế giới); 214 loài cá, trong đó có 4 loài đặc hữu Việt Nam.

3.2.4. Hiện trạng các loài LSNG

Tại khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã xác định được 400 loài thực vật cho lâm sản ngoài gỗ (LSNG) thuộc 104 họ; trong đó nhiều nhất là nhóm cây làm thuốc (343 loài, chiếm 85,75%), tiếp đến là nhóm cây ăn được (140 loài, chiếm 35,00%), cây làm cảnh (49 loài, chiếm 12,25%), cây tinh dầu và dầu béo (29 loài, chiếm 7,25%), song mây (20 loài, chiếm 5,00%), cây thức ăn chăn nuôi (17 loài, chiếm 4,25%), cây cho tanin và nhuộm màu (14 loài, chiếm 3,50%).

3.3. Đối tượng và hình thức tác động của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

Qua kết quả khảo sát cho thấy, các tác động

đến tài nguyên rừng của cộng đồng địa phương vùng đệm VQG gồm các hoạt động sau:

3.3.1. Tác động có lợi

Hiện nay, cộng đồng dân cư các xã vùng đệm tại VQG đã tích cực tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng tại khu vực. Đối tượng tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng tại khu vực chủ yếu gồm các nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư sống gần hoặc liền kề với rừng, với các hoạt động chính sau:

- *Nhận giao khoán bảo vệ rừng*: Theo số liệu báo cáo của Ban quản lý (BQL) VQG, diện tích rừng giao khoán hàng năm cho các cộng đồng dân cư địa phương bảo vệ tính đến năm 2021 là khoảng 66.400 ha rừng đặc dụng; kể từ năm 2022 trở đi diện tích khoán là: 80.000 ha rừng đặc dụng và 2.000 ha rừng phòng hộ.

- *Tuần tra rừng*: tại khu vực đã có 21 nhóm Bảo tồn rừng thôn bản (dựa trên lực lượng nòng cốt là các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng địa phương vùng đệm) được thành lập với diện tích tuần tra bảo vệ bao gồm tổng diện tích đất có rừng của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng hiện nay là 119.167,85 ha tự nhiên và 57,08 ha rừng trồng (trong đó có 24,14 ha rừng mới trồng chưa thành rừng).

Cộng đồng dân cư địa phương tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng sẽ được BQL VQG ký kết Hợp đồng nhận khoán bảo vệ và có trách nhiệm tuần tra, kiểm tra rừng trong lâm phần được giao, phối hợp với Kiểm lâm VQG và các lực lượng chức năng khác để bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

3.3.2. Tác động bất lợi

3.3.2.1. Săn, bẫy, bắt động vật hoang dã

Săn bẫy động vật hoang dã là mối đe dọa lớn nhất đối với tính toàn vẹn sinh học của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Các loài bị đe dọa chủ yếu là các loài thú nhỏ như chuột, dúi, sóc... Ngoài ra, một số loài khác cũng bị săn bẫy trong VQG như cây hương, rắn và khỉ. Kết quả điều tra phỏng vấn tại 13 xã vùng đệm cho kết quả tại bảng 6.

Bảng 6. Tình hình săn bắt động vật hoang dã tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Huyện	Xã	Số phiếu điều tra	Số hộ có săn bắt ĐVHD	Phương thức khai thác	Mục đích sử dụng			Một số loài bị khai thác điển hình
					Thực phẩm	Bán	Làm cảnh	
Minh Hóa	Dân Hóa	7	1		1			
	Hóa Sơn	6	0		-	-	-	
	Trung Hóa	7	1		1			
	Thượng Hóa	7	3		2	1		
	Trọng Hóa	7	2		2			
Bố Trạch	Tân Trạch	7	5	Bẫy, bắt, săn bắn	3	1	1	Chuột, Dúi, Gà rừng, Sóc, Don, Chim
	Thượng Trạch	6	3		1	2		
	Xuân Trạch	6	1		1			
	Phúc Trạch	7	0		-	-	-	
	TT Phong Nha	5	0		-	-	-	
	Phú Định	4	1				1	
	Hưng Trạch	6	1			1		
Quảng Ninh	Trường Sơn	15	3		2	1		

(Nguồn: Thống kê từ điều tra thực địa năm 2020)

Hiện nay, hoạt động săn bắn vẫn diễn ra ở khắp các vùng trong vườn và diễn ra quanh năm. Hoạt động này xảy ra chủ yếu đối với các loài thú nhỏ như các loài chuột và sóc có thể bẫy gần hơn như trong vùng đệm. Mùa săn bắt diễn ra nhiều hơn vào thời điểm từ tháng 8 đến tháng 3 năm sau.

3.3.2.2. Khai thác gỗ

Mặc dù VQG đã có những nỗ lực to lớn ngăn

chặn hoạt động khai thác gỗ bất hợp pháp nhưng hoạt động này vẫn diễn ra ở trong VQG, chủ yếu nhằm vào một số loài có giá trị thương mại hoặc có giá trị sử dụng cao như Mun (*Diospyros mun*), Táo (*Vatica spp.*), Lim xanh (*Erythrophloeum fordii*), Giổi xanh (*Michelia spp.*)... Hoạt động khai thác gỗ xảy ra quanh năm, nhưng nhiều hơn vào thời điểm nông nhàn (từ kết quả phỏng vấn).

Bảng 7. Tình hình khai thác gỗ tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Huyện	Xã	Số hộ điều tra	Số hộ có khai thác gỗ	Số lần khai thác (Lần/năm)	Khối lượng khai thác (m ³ /lần)	Tổng lượng khai thác (m ³ /năm)	Một số loài bị khai thác điển hình
Minh Hóa	Dân Hóa	7	2	3	0,10	0,80	Mun, Táo, Lim xanh, Giổi xanh, ...
	Hóa Sơn	6	2	6	0,35	3,50	
	Trung Hóa	7	1	3	0,20	1,20	
	Thượng Hóa	7	2	2	0,20	1,00	
	Trọng Hóa	7	1	6	0,25	2,75	
Bố Trạch	Tân Trạch	7	4	9	0,30	5,40	
	Thượng Trạch	6	3	7	0,25	3,25	
	Xuân Trạch	6	1	3	0,30	2,10	
	Phúc Trạch	7	1	2	0,15	0,45	
	TT Phong Nha	5	1	2	0,10	0,20	
	Phú Định	4	1	3	0,20	1,40	
	Hưng Trạch	6	1	3	0,15	1,05	
Quảng Ninh	Trường Sơn	15	3	6	0,20	2,40	

(Nguồn: Thống kê điều tra thực địa năm 2020)

Hoạt động khai thác gỗ do cả người dân địa phương lẫn người đến từ các huyện khác trong tỉnh thực hiện vì mục đích dân dụng và thương mại.

3.3.2.3. Khai thác lâm sản ngoài gỗ

LSNG của VQG bị khai thác trong nhiều năm. Các loài LSNG bao gồm song mây, thảo

được, phong lan, lá khô/cơm nguội rừng, lan kim tuyến, lá nón, măng tre, mật ong... Hoạt động khai thác LSNG này do cộng đồng dân cư trong và ngoài vùng đệm của VQG thực hiện. Hoạt động khai thác LSNG diễn ra quanh năm,

ngoại trừ măng tre và mật ong được khai thác theo mùa vụ. Khai thác LSNG đang diễn ra khá phổ biến với mức độ khác nhau tùy thuộc vào mức độ sẵn có và phong phú của chúng ở từng vùng.

Bảng 8. Tình hình khai thác lâm sản ngoài gỗ tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Loại sản phẩm khai thác	Mức độ khai thác	Phương thức khai thác	Mục đích sử dụng	Một số loài bị khai thác điển hình
Nấm, rau rừng, củ quả	Nhiều	Thu, hái, đào	Bán, làm thực phẩm	Măng tre, Đoác, Môn Phong Nha, nấm mỡ, chuối rừng...
Mật ong	Ít	Thu, lấy	Bán	Ong mật, ong ruồi...
Củ khô	Nhiều	Thu, hái, chặt	Bán, đun nấu	Các loài cây thân gỗ
Dược liệu	Nhiều	Thu, hái, đào, chặt	Bán, phục vụ nhu cầu chữa bệnh gia đình	Lá khô, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Bình vôi...
Cây cảnh	Ít	Thu, Đào	Bán, trồng làm cảnh	Các loài phong lan

(Nguồn: Thống kê điều tra thực địa năm 2020)

3.4. Mức độ tác động của cộng đồng địa phương

Công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn tài nguyên rừng đã được Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đặc biệt quan tâm và được xem là nhiệm vụ hàng đầu trong các hoạt động nhằm bảo vệ và phát triển vốn rừng, bảo tồn giá trị đa dạng sinh học, bảo vệ Di sản và gìn giữ môi trường và phát triển bền vững du lịch sinh thái. Tuy nhiên, do diện tích rừng rộng lớn, chất lượng rừng ở VQG vẫn còn rất phong phú, nhiều người dân có nhận thức chưa rõ ràng về

vấn đề bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng nên vẫn còn những sự tác động nhất định của cộng đồng người dân địa phương đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

Theo kết quả đánh giá tại 13 xã vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cho thấy, 68,95% số hộ được phỏng vấn ít có tác động đến tài nguyên rừng tại VQG; 16,43% số hộ có tác động ở mức trung bình và 14,62% ý kiến phỏng vấn cho rằng cộng đồng địa phương vùng đệm vẫn còn tác động ở mức độ nhiều lên tài nguyên rừng tại khu vực.

Bảng 9. Mức độ tác động của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Huyện	Xã	Số hộ điều tra	Số hộ tham gia trả lời	Mức độ đánh giá của các hộ dân					
				Ít	Tỷ lệ %	Trung bình	Tỷ lệ %	Nhiều	Tỷ lệ %
Minh Hóa	Dân Hóa	7	7	3	42,86	1	14,29	3	42,86
	Hóa Sơn	6	5	5	100	0	0	0	0
	Trung Hóa	7	7	5	71,43	1	14,29	1	14,29
	Thượng Hóa	7	7	5	71,43	2	28,57	0	0
	Trọng Hóa	7	7	3	42,86	1	14,29	3	42,86
Bố Trạch	Tân Trạch	7	5	3	60,00	0	0	2	40,00
	Thượng Trạch	6	6	2	33,33	1	16,67	3	50,00
	Xuân Trạch	6	5	4	80,00	1	20,00	0	0
	Phúc Trạch	7	6	4	66,67	2	33,33	0	0
	TT Phong Nha	5	5	5	100	0	0	0	0
	Phú Định	4	4	4	100	0	0	0	0
Quảng Ninh	Hưng Trạch	6	6	3	50,00	3	50,00	0	0
	Trường Sơn	15	9	7	77,78	2	22,22	0	0
Bình quân					68,95		16,43		14,62

(Nguồn: Thống kê điều tra thực địa năm 2020)

Từ số liệu trên cho thấy, cộng đồng địa phương tại các xã vùng đệm VQG vẫn có những tác động ít nhiều lên tài nguyên rừng của khu vực. Người dân địa phương vẫn còn phụ thuộc một phần vào các sản phẩm từ rừng. Một số nhu yếu phẩm phục vụ cho cuộc sống vẫn được người dân khai thác từ rừng như các loại gỗ để làm nhà, lán trại, đóng đồ dùng gia đình, các loại rau rừng, cây thuốc, các loại cây, con có giá trị thực phẩm.

Sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, nhu cầu về lâm sản trong rừng ngày càng tăng để phục vụ nhu cầu của chính bản thân và gia đình, đã là động lực kích thích sự khai thác của cộng đồng địa phương vùng đệm, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Dân Hóa (42,86%); Trọng Hóa (42,86%); Tân Trạch (40%); Thượng Trạch (50%) là 4 xã người dân có mức độ tác động nhiều nhất lên tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Đây là các xã có số hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất trong 13 xã vùng đệm, thành phần dân tộc thiểu số chiếm đại bộ phận, còn nhiều thôn bản cư trú bên trong vùng lõi của VQG, thu nhập bình quân đầu người thấp, đời sống phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng. Chính những yếu tố trên khiến cuộc sống người dân luôn trong tình trạng không ổn định và sống phụ thuộc chủ yếu vào nguồn tài nguyên rừng.

Có thể thấy rằng những tác động của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là một điều tất yếu. Ngày nay, ảnh hưởng của kinh tế thị trường đã dẫn đến sự phân hóa xã hội sâu sắc, nhu cầu về vật chất ngày càng tăng thúc đẩy người dân vào rừng khai thác các sản phẩm từ rừng để phục vụ nhu cầu của bản thân, gia đình và xã hội. Mỗi khi các sản phẩm từ rừng có giá trị kinh tế cao thì đó là động lực kích thích sự khai thác của cộng đồng. Lợi nhuận từ việc khai thác lâm sản, đặc biệt là gỗ quý hiếm, động vật hoang dã làm cho nhiều người bất chấp các hành vi vi phạm pháp luật để vào rừng khai thác trộm nhằm thu lợi bất chính, sự kiểm soát của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương còn có những hạn chế và bất cập. Vì vậy, đây là thách thức không nhỏ đối với VQG Phong Nha - Kẻ Bàng trong thời gian tới.

3.5. Nguyên nhân dẫn đến các tác động bất lợi của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Trong thời gian qua, các hoạt động gây ảnh hưởng tới tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng vẫn diễn ra, tuy nhiên những hoạt động gây những tác động bất lợi đến tài nguyên rừng tại khu vực đã có sự chuyển biến rõ rệt khi những hành vi vi phạm đã giảm đáng kể trong những năm gần đây.

Bảng 10. Các hành vi gây ảnh hưởng tới tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

TT	Hành vi vi phạm	Năm						Tổng
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Phá rừng làm nương rẫy	0	0	0	0	0	0	0
2	Phá rừng trái pháp luật	2	2	1	1	0	0	6
3	Khai thác rừng trái phép	4	3	9	2	4	1	22
4	Vận chuyển lâm sản trái pháp luật	76	59	66	39	23	8	263
5	Mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước	2	3	3	2	0	2	10
6	Cắt giấu lâm sản trái phép	91	82	86	61	22	8	342
Tổng		175	149	165	105	49	19	643

(Nguồn: Số liệu thống kê từ VQG Phong Nha – Kẻ Bàng)

Một số nguyên nhân chính dẫn đến những tác động bất lợi từ cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG có thể chia làm hai

- nhóm gồm:
- + Nhóm nguyên nhân về kinh tế;
 - + Nhóm nguyên nhân về xã hội.

Bảng 11. Nguyên nhân dẫn đến những tác động bất lợi từ cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Huyện	Xã	Số hộ tham gia trả lời/Số hộ điều tra	Nguyên nhân kinh tế				Nguyên nhân xã hội			
			Thiếu đất canh tác	Lợi nhuận từ buôn bán các sản phẩm	Phát triển sinh kế gia đình	Nhu cầu về thực phẩm, gỗ, củi trong sinh hoạt	Đời sống khó khăn	Phong tục tập quán	Áp lực dân số	Nhận thức cộng đồng
Minh Hóa	Dân Hóa	6/7	0	2	0	6	3	5	1	5
	Hóa Sơn	6/6	0	3	3	6	5	4	0	6
	Trung Hóa	7/7	0	3	2	6	5	7	1	6
	Thượng Hóa	7/7	0	3	1	7	4	6	3	5
	Trọng Hóa	7/7	1	2	1	6	6	5	5	4
Bố Trạch	Tân Trạch	6/7	1	4	3	5	6	6	5	6
	Thượng Trạch	3/6	0	2	1	3	3	3	2	2
	Xuân Trạch	6/6	0	2	1	6	5	4	2	4
	Phúc Trạch	7/7	0	5	4	7	3	3	4	2
	TT Phong Nha	5/5	0	0	0	5	1	4	2	3
	Phú Định	4/4	0	1	1	4	3	3	1	3
	Hưng Trạch	6/6	2	3	1	5	3	3	3	3
Quảng Ninh	Trường Sơn	15/15	0	7	3	13	12	9	3	8

(Nguồn: Thống kê điều tra thực tế)

Qua bảng 11, cho thấy có một số nguyên nhân dẫn đến những tác động bất lợi từ cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, điều này gây ra những áp lực cho công tác quản lý tại khu vực. Nhu cầu về thực phẩm, gỗ, củi trong sinh hoạt (92,94%) là nguyên nhân chính dẫn đến những tác động từ cộng đồng địa phương lên tài nguyên rừng tại VQG. Đời sống của người dân địa phương còn nhiều khó khăn, nghèo đói, một bộ phận lớn người dân vẫn giữ thói quen sống dựa vào rừng là 2 trong 3 nguyên nhân chính dẫn đến những tác động bất lợi đến tài nguyên rừng tại khu vực.

Một nguyên nhân khách quan chiếm tỷ lệ thấp nhất trong các nguyên nhân là hiện trạng thiếu đất canh tác tại khu vực (4,71%). Tình trạng này diễn ra do một số diện tích đất canh tác trước kia của người dân bị bỏ hoang, một số người dân sống chủ yếu bằng các sản phẩm khai thác từ rừng dẫn đến không có đất canh tác. Bên cạnh đó, một phần diện tích đất của người dân đang có

tranh chấp với VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Theo Báo cáo số 919/BC-VQG ngày 31/12/2020 Báo cáo tình trạng chồng lấn, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trong lâm phận VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, hiện tại diện tích đất đang có tranh chấp với người dân là 142,59 ha (bao gồm: 2,85 ha đất nông nghiệp khác đang chồng lấn tại khu vực Núi Đồi; 139,74 ha đất đặc dụng đang tranh chấp, chồng lấn với 196 hộ dân trên địa bàn các xã Xuân Trạch, Phúc Trạch, thị trấn Phong Nha).

4. KẾT LUẬN

Bên cạnh các tác động có lợi, mức độ tác động bất lợi của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng được đánh giá ở mức độ ít. Một số sản phẩm chính được người dân khai thác như các loài cây gỗ, cây thuốc, các loài LSNG và một số loài động vật hoang dã nhỏ. Các sản phẩm này được người dân dùng làm thực phẩm phục vụ gia đình, lấy gỗ, củi phục vụ trong sinh hoạt đời sống hàng ngày ở các mức độ khác nhau.

Nguyên nhân chính dẫn tới các tác động bất lợi của cộng đồng địa phương vùng đệm đến tài nguyên rừng tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng chủ yếu do nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày của cộng đồng người dân địa phương. Bên cạnh đó đời sống của người dân địa phương còn nhiều khó khăn, một bộ phận lớn người dân vẫn giữ thói quen sống dựa vào rừng cũng là những nguyên nhân chính gây ra những tác động đến tài nguyên rừng tại khu vực.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự tài trợ của Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia: Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại khu Di sản Thiên nhiên Thế giới VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Vườn Quốc gia), mã số: ĐTĐL.CN-35/20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục thống kê huyện Bố Trạch (2020). *Niên giám thống kê huyện Bố Trạch*.
2. Chi cục thống kê huyện Minh Hóa (2020). *Niên giám thống kê huyện Minh Hóa*.
3. Chi cục thống kê huyện Quảng Ninh (2020). *Niên giám thống kê huyện Quảng Ninh*.
4. Đặng Minh Hùng (2010). *Điều tra, đánh giá hiện*

trạng nguồn lâm sản ngoài gỗ làm cơ sở đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý bảo vệ rừng bền vững tại một số xã vùng đệm (Xuân Trạch và Phúc Trạch) Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lâm nghiệp.

5. VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (2012). *Kế hoạch Quản lý hoạt động Giai đoạn 2013 đến 2018 Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng*.

6. VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (2021). *Phương án Quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, giai đoạn 2021 – 2030*.

7. Vũ Thị Bích Thuận, Trần Thị Mai Sen (2014). Tác động của cộng đồng địa phương đến rừng đặc dụng vùng Tây Bắc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 2, 52–59.

8. Hà Minh Tuấn (2013). Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình*, số 3, 1-4.

9. VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (2021). Tổng quan. Truy cập ngày 16/12/2021, URL: <https://phongnhakebang.vn/tong-quan-ban-quan-ly-vuon.html>

10. Thủ tướng Chính phủ (2013). Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013 về điều chỉnh ranh giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

11. UBND tỉnh Quảng Bình (2018). Quyết định số 4534/QĐ-UBND, ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

IMPACTS OF LOCAL COMMUNITIES IN THE BUFFER ZONES ON FOREST RESOURCES IN PHONG NHA - KE BANG NATIONAL PARK

Bui The Doi¹, Pham Van Toan¹, Ngo Duc Thuan², Dao Quang Minh², Ta Thi Tham³

¹*Vietnam National University of Forestry*

²*Institute of Environment Science and Climate Change*

³*Institute of Management for Agricultural and Rural Development*

SUMMARY

Applying field surveys and sociological investigation by interview and inherited database, the research has identified the form, extent and causes of impacts of the local community in the buffer zone on forest resources in Phong Nha - Ke Bang National Park (NP). Research results show that, not only beneficial impacts on forest resources in the buffer zone, but the negative impacts have been still appeared regularly. The negative impacts are hunting, trap-setting, capturing wild life, illegal logging and non-timber forest products. However, the extent of these impacts on forest resources in the buffer zone is at a light scale. Some of the main products exploited by local people are some endangered tree species, medicinal plants, other non-timber forest products and several small wildlife. The negative impacts has been addressed by low income, customs, some demand for food, wood, firewood in daily life of the local community. Finding out the causes and evaluating the impacts of local communities on forest resources in the buffer zone are necessary. This is the fundamental for proposing solutions to improve the efficiency of forest management of the local communities in Phong Nha - Ke Bang NP.

Keywords: Adverse impacts, buffer-zone, forest resources, local communities, Phong Nha - Ke Bang NP.

Ngày nhận bài : 04/5/2022

Ngày phản biện : 09/6/2022

Ngày quyết định đăng : 18/6/2022